

## LISTENING

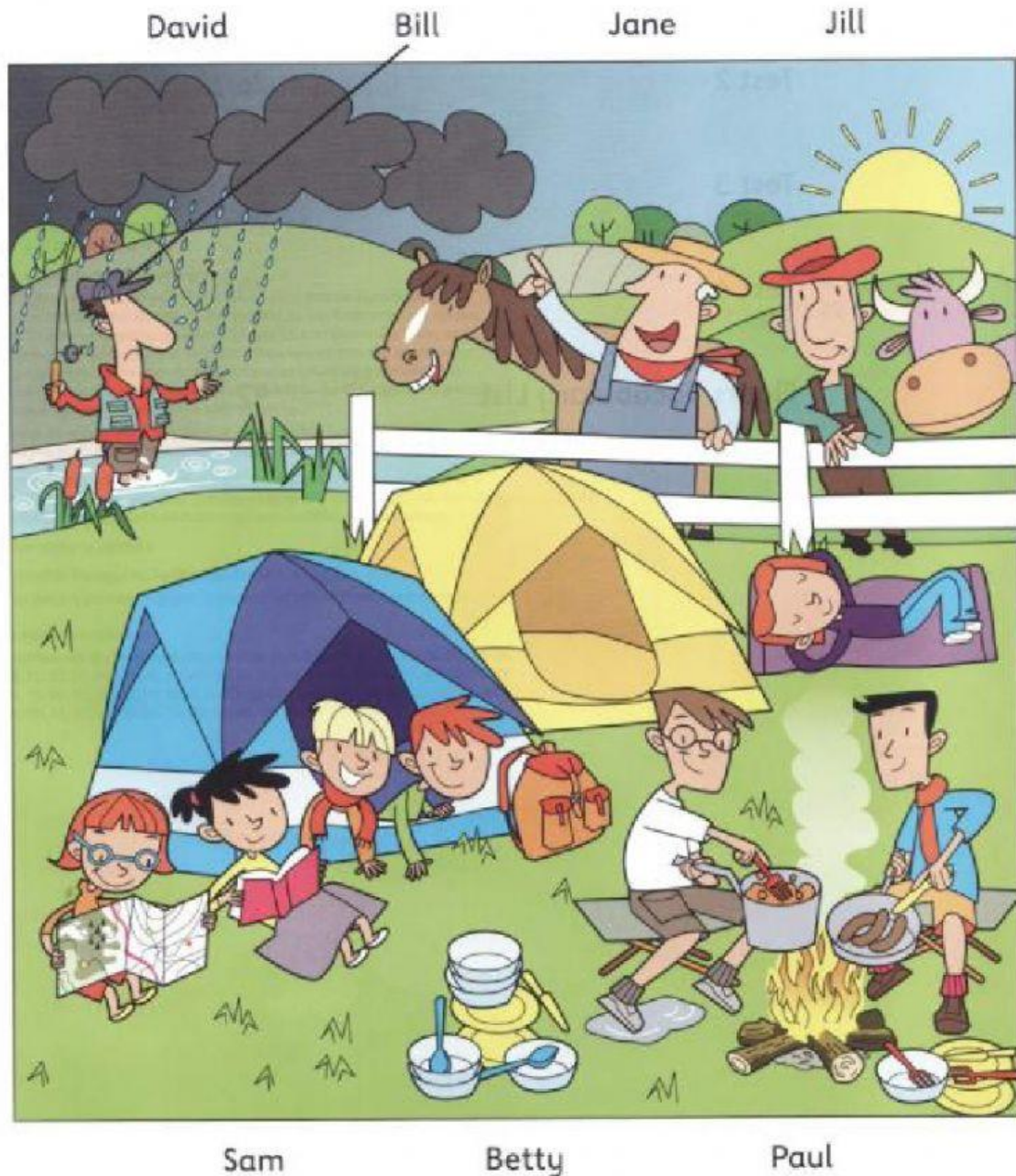
### Vocabulary:

- |                                |                           |                               |                                   |
|--------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|
| 1. <b>camp</b> (v): cắm trại   | 3. <b>scarf</b> (n): khăn | 5. <b>rucksack</b> (n): ba lô | 7. <b>shout at sb</b> (n): hét ai |
| 2. <b>field</b> (n): cánh đồng | 4. <b>tent</b> (n): lều   | 6. <b>blanket</b> (n): chăn   |                                   |

### Part I

– 5 questions –

Listen and draw lines. There is one example.



Vocabulary:

1. college (n): trường cao đẳng

2. Stomach ache (n): đau bụng

3. Cough (n): ho

## Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.



Address: 25 Hillman Road  
Frenchly

1 Full Name: \_\_\_\_\_ Taylor

2 Age: \_\_\_\_\_

3 Problem: \_\_\_\_\_ and a \_\_\_\_\_

4 See Doctor: \_\_\_\_\_ afternoon

5 What time? \_\_\_\_\_